Phụ biểu 01

KẾ HOẠCH PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Xã, thị trấn	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM nâng cao	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM kiểu mẫu (năm 2020)	
I	**TP. Nam Định**	**3.000**	**3.000**		
1	Lộc An	1.000	1.000		
2	Nam Vân	1.000	1.000		
3	Nam Phong	1.000	1.000		
II	**H. Mỹ Lộc**	**11.000**	**11.000**		
1	Mỹ Thành	1.000	1.000		
2	Mỹ Thịnh	1.000	1.000		
3	Mỹ Tân	1.000	1.000		
4	Mỹ Trung	1.000	1.000		
5	Mỹ Phúc	1.000	1.000		
6	Mỹ Hà	1.000	1.000		
7	Mỹ Thắng	1.000	1.000		
8	Mỹ Tiến	1.000	1.000		
9	Mỹ Hưng	1.000	1.000		
10	Mỹ Thuận	1.000	1.000		
11	TT Mỹ Lộc	1.000	1.000		
III	**H. Vụ Bản (11 xã, thị trấn đăng ký xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu năm 2020)**	**23.500**	**18.000**	**5.500**	
1	Hiển Khánh	1.500	1.000	500	
2	Minh Tân	1.500	1.000	500	
3	Liên Minh	1.500	1.000	500	
4	TT Gôi	1.500	1.000	500	
5	Trung Thành	1.500	1.000	500	
6	Minh Thuận	1.500	1.000	500	
7	Quang Trung	1.500	1.000	500	
8	Kim Thái	1.500	1.000	500	
9	Hợp Hưng	1.500	1.000	500	
10	Thành Lợi	1.500	1.000	500	
11	Cộng Hoà	1.500	1.000	500	
12	Tân Khánh	1.000	1.000		
13	Liên Bảo	1.000	1.000		
14	Đại An	1.000	1.000		
15	Tam Thanh	1.000	1.000		

TT	Xã, thị trấn	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM nâng cao	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM kiểu mẫu (năm 2020)	
16	Vĩnh Hào	1.000	1.000		
17	Đại Thắng	1.000	1.000		
18	Tân Thành	1.000	1.000		
IV	**H. Ý Yên (04 xã đăng ký xây dựng NTM mô hình kiểu mẫu năm 2020)**	**33.000**	**31.000**	**2.000**	
1	Yên Nhân	1.500	1.000	500	
2	Yên Bình	1.500	1.000	500	
3	Yên Khánh	1.500	1.000	500	
4	Yên Mỹ	1.500	1.000	500	
5	Yên Cường	1.000	1.000		
6	Yên Khang	1.000	1.000		
7	Yên Lương	1.000	1.000		
8	Yên Phong	1.000	1.000		
9	Yên Chính	1.000	1.000		
10	Yên Hồng	1.000	1.000		
11	Yên Ninh	1.000	1.000		
12	Yên Tân	1.000	1.000		
13	Yên Dương	1.000	1.000		
14	Yên Tiến	1.000	1.000		
15	Yên Trung	1.000	1.000		
16	Yên Thành	1.000	1.000		
17	Yên Nghĩa	1.000	1.000		
18	Yên Thọ	1.000	1.000		
19	Yên Phương	1.000	1.000		
20	Yên Phú	1.000	1.000		
21	Yên Hưng	1.000	1.000		
22	Yên Lợi	1.000	1.000		
23	Yên Minh	1.000	1.000		
24	TT Lâm	1.000	1.000		
25	Yên Quang	1.000	1.000		
26	Yên Bằng	1.000	1.000		
27	Yên Thắng	1.000	1.000		
28	Yên Đồng	1.000	1.000		
29	Yên Trị	1.000	1.000		
30	Yên Lộc	1.000	1.000		
31	Yên Phúc	1.000	1.000		
V	**H. Nghĩa Hưng (01 xã đăng ký xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu năm 2020)**	**24.500**	**24.000**	**500**	
1	Nghĩa Minh	1.500	1.000	500	
2	Nghĩa Thịnh	1.000	1.000		
3	Nghĩa Đồng	1.000	1.000		

TT	Xã, thị trấn	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM nâng cao	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM kiểu mẫu (năm 2020)	
4	Nghĩa Thái	1.000	1.000		
5	Nghĩa Trung	1.000	1.000		
6	Nghĩa Lạc	1.000	1.000		
7	Nghĩa Hồng	1.000	1.000		
8	Nghĩa Phong	1.000	1.000		
9	Nghĩa Bình	1.000	1.000		
10	TT Quỹ Nhất	1.000	1.000		
11	Hoàng Nam	1.000	1.000		
12	Nghĩa Châu	1.000	1.000		
13	TT Liễu Đề	1.000	1.000		
14	Nghĩa Sơn	1.000	1.000		
15	Nghĩa Phú	1.000	1.000		
16	Nghĩa Tân	1.000	1.000		
17	Nghĩa Lâm	1.000	1.000		
18	Nghĩa Hùng	1.000	1.000		
19	Nghĩa Hải	1.000	1.000		
20	Nghĩa Thành	1.000	1.000		
21	Phúc Thắng	1.000	1.000		
22	Nghĩa Lợi	1.000	1.000		
23	TT Rạng Đông	1.000	1.000		
24	Nam Điền	1.000	1.000		
VI	**H. Nam Trực (11 xã đăng ký xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu năm 2020)**	**25.500**	**20.000**	**5.500**	
1	Nam Hồng	1.500	1.000	500	
2	Nam Hùng	1.500	1.000	500	
3	Đồng Sơn	1.500	1.000	500	
4	Điền Xá	1.500	1.000	500	
5	Hồng Quang	1.500	1.000	500	
6	Nam Tiến	1.500	1.000	500	
7	Nam Hoa	1.500	1.000	500	
8	Nam Lợi	1.500	1.000	500	
9	Nam Thắng	1.500	1.000	500	
10	Nam Dương	1.500	1.000	500	
11	Nam Thái	1.500	1.000	500	
12	Nam Mỹ	1.000	1.000		
13	Tân Thịnh	1.000	1.000		
14	Nam Toàn	1.000	1.000		
15	Nghĩa An	1.000	1.000		

TT	Xã, thị trấn	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM nâng cao	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM kiểu mẫu (năm 2020)	
16	Nam Cường	1.000	1.000		
17	Nam Giang	1.000	1.000		
18	Bình Minh	1.000	1.000		
19	Nam Hải	1.000	1.000		
20	Nam Thanh	1.000	1.000		
VII	**H. Trực Ninh**	**21.000**	**21.000**		
1	Trực Chính	1.000	1.000		
2	Trung Đông	1.000	1.000		
3	Việt Hùng	1.000	1.000		
4	Trực Tuấn	1.000	1.000		
5	Trực Nội	1.000	1.000		
6	Trực Mỹ	1.000	1.000		
7	Trực Đại	1.000	1.000		
8	Trực Thái	1.000	1.000		
9	Trực Hùng	1.000	1.000		
10	TT Cát Thành	1.000	1.000		
11	TT Ninh Cường	1.000	1.000		
12	TT Cổ Lễ	1.000	1.000		
13	Phương Định	1.000	1.000		
14	Liêm Hải	1.000	1.000		
15	Trực Đạo	1.000	1.000		
16	Trực Hưng	1.000	1.000		
17	Trực Thanh	1.000	1.000		
18	Trực Khang	1.000	1.000		
19	Trực Thuận	1.000	1.000		
20	Trực Cường	1.000	1.000		
21	Trực Thắng	1.000	1.000		
VIII	**H. Xuân Trường (04 xã đăng ký xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu năm 2020)**	**22.000**	**20.000**	**2.000**	
1	Xuân Kiên	1.500	1.000	500	
2	Xuân Hòa	1.500	1.000	500	
3	Xuân Thượng	1.500	1.000	500	
4	Thọ Nghiệp	1.500	1.000	500	
5	Xuân Hồng	1.000	1.000		
6	Xuân Bắc	1.000	1.000		
7	Xuân Tân	1.000	1.000		
8	Xuân Ninh	1.000	1.000		
9	Xuân Vinh	1.000	1.000		

TT	Xã, thị trấn	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM nâng cao	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM kiểu mẫu (năm 2020)	
10	Xuân Tiến	1.000	1.000		
11	TT Xuân Trường	1.000	1.000		
12	Xuân Trung	1.000	1.000		
13	Xuân Thủy	1.000	1.000		
14	Xuân Ngọc	1.000	1.000		
15	Xuân Phương	1.000	1.000		
16	Xuân Phong	1.000	1.000		
17	Xuân Đài	1.000	1.000		
18	Xuân Thành	1.000	1.000		
19	Xuân Phú	1.000	1.000		
20	Xuân Châu	1.000	1.000		
IX	**H. Giao Thủy (07 xã, thị trấn đăng ký xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu năm 2020)**	**25.500**	**22.000**	**3.500**	
1	Hoành Sơn	1.500	1.000	500	
2	Giao An	1.500	1.000	500	
3	Giao Hải	1.500	1.000	500	
4	Bạch Long	1.500	1.000	500	
5	Giao Phong	1.500	1.000	500	
6	TT Ngô Đồng	1.500	1.000	500	
7	Giao Hà	1.500	1.000	500	
8	Hồng Thuận	1.000	1.000		
9	Giao Hương	1.000	1.000		
10	Giao Thiện	1.000	1.000		
11	Giao Lạc	1.000	1.000		
12	Giao Xuân	1.000	1.000		
13	Giao Long	1.000	1.000		
14	TT Quất Lâm	1.000	1.000		
15	Giao Thịnh	1.000	1.000		
16	Giao Tân	1.000	1.000		
17	Giao Tiến	1.000	1.000		
18	Giao Nhân	1.000	1.000		
19	Giao Yến	1.000	1.000		
20	Giao Châu	1.000	1.000		
21	Giao Thanh	1.000	1.000		
22	Bình Hòa	1.000	1.000		
X	**H. Hải Hậu (34 xã, thị trấn đăng ký xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu năm 2020)**	**51.000**	**34.000**	**17.000**	
1	Hải Anh	1.500	1.000	500	
2	Hải Bắc	1.500	1.000	500	
3	Hải Châu	1.500	1.000	500	
4	Hải Thanh	1.500	1.000	500	

TT	Xã, thị trấn	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Tổng số	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM nâng cao	Xã, thị trấn đăng ký xây dựng NTM kiểu mẫu (năm 2020)	
5	Hải Hà	1.500	1.000	500	
6	Hải Hưng	1.500	1.000	500	
7	Hải Long	1.500	1.000	500	
8	Hải Nam	1.500	1.000	500	
9	Hải Phú	1.500	1.000	500	
10	Hải Phúc	1.500	1.000	500	
11	Hải Quang	1.500	1.000	500	
12	Hải Tân	1.500	1.000	500	
13	Hải Tây	1.500	1.000	500	
14	Hải Vân	1.500	1.000	500	
15	Hải Lộc	1.500	1.000	500	
16	Hải Đông	1.500	1.000	500	
17	Hải Lý	1.500	1.000	500	
18	Hải Trung	1.500	1.000	500	
19	Hải Minh	1.500	1.000	500	
20	Hải Sơn	1.500	1.000	500	
21	Hải Phương	1.500	1.000	500	
22	Hải Đường	1.500	1.000	500	
23	Hải Xuân	1.500	1.000	500	
24	Hải Chính	1.500	1.000	500	
25	Hải Triều	1.500	1.000	500	
26	Hải Hoà	1.500	1.000	500	
27	Hải Cường	1.500	1.000	500	
28	Hải An	1.500	1.000	500	
29	Hải Phong	1.500	1.000	500	
30	Hải Ninh	1.500	1.000	500	
31	Hải Giang	1.500	1.000	500	
32	TT Yên Định	1.500	1.000	500	
33	TT Cồn	1.500	1.000	500	
34	TT Thịnh Long	1.500	1.000	500	
	Tổng số	**240.000**	**204.000**	**36.000**	

Phụ biểu 02

KẾ HOẠCH PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Thành phố Nam Định	3.657	
2	Huyện Mỹ Lộc	3.657	
3	Huyện Vụ Bản	3.657	
4	Huyện Ý Yên	3.657	
5	Huyện Nghĩa Hưng	3.657	
6	Huyện Nam Trực	3.657	
7	Huyện Trực Ninh	3.657	
8	Huyện Xuân Trường	3.657	
9	Huyện Giao Thủy	3.657	
10	Huyện Hải Hậu	13.657	
Tổng số		**46.570**	